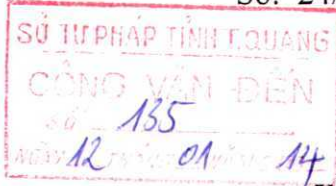


Số: 24/2013/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 12 năm 2013



NGHỊ QUYẾT

Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2013 về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đối tượng chịu phí, người nộp phí; chế độ quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng chịu phí

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối tượng không chịu phí

a) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;

b) Nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

c) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:

- Các xã thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (*theo quy định của Chính phủ*);

- Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

d) Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng;

đ) Nước mưa tự nhiên chảy tràn;

e) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của nhà nước quy định.

4. Người nộp phí

Là hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nước thải ra môi trường được quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính - Tài nguyên Môi trường.

5. Mức thu phí

5.1 Mức thu phí đối với nước thải sinh hoạt (có ký kết hợp đồng tiêu thụ nước sạch với đơn vị cung cấp).

a) Mức thu 6% trên giá bán của 1m^3 (*một mét khối*) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp được cung cấp nước sạch áp dụng đối với các phường thành phố Tuyên Quang.

b) Mức thu 5% trên giá bán của 1m^3 (*một mét khối*) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp được cung cấp nước sạch áp dụng đối với các xã thuộc thành phố Tuyên Quang và thị trấn thuộc huyện.

c) Mức thu 4% trên giá bán của 1m^3 (*một mét khối*) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp được cung cấp nước sạch áp dụng đối với các xã còn lại.

5.2 Mức thu phí đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cung cấp nước sạch):

a) Đối với đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (không sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, dùng để sinh hoạt):

- Tại phường thành phố Tuyên Quang: 700 đồng/người/tháng

- Các xã, thị trấn còn lại : 500 đồng/người/tháng.

b) Đối với đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, cơ sở rửa xe ô tô, xe máy...):

- Tại phường thành phố Tuyên Quang: Mức thu 5% trên giá bán của 1m³ (một mét khối) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Các xã, thị trấn còn lại: Mức thu 4% trên giá bán của 1m³ (một mét khối) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng.

6. Đơn vị thu phí

a) Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của tổ chức, cá nhân có ký Hợp đồng sử dụng nước sạch của đơn vị.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác định và thu phí đối với tổ chức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn.

7. Quản lý và sử dụng phí

a) Để lại 7% (Bảy phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch để trang trải chi phí cho việc thu phí.

b) Để lại 15% (Mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho việc thu phí.

c) Phần phí thu được còn lại sau khi trừ đi phần để lại quy định tại khoản a, khoản b, mục 7, phần II nêu trên, đơn vị thu phí có trách nhiệm nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải.

Việc chi trả, thanh toán các khoản chi từ phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

8. Các nội dung khác ngoài các nội dung quy định nêu trên được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15

tháng 5 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính - Tài nguyên Môi trường và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Quy định nêu tại Điều 1 Nghị quyết này thay thế Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, quy định tại khoản 9 mục I Quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Mục IX, Phần A phụ lục Danh mục mức thu một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành liên quan;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang